TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-5-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ, ông Nguyễn Văn Chấn.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 610/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau vào năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong chị về chung sống với anh H tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay không có con, mặc dù đã chạy chữa nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả. Vì vậy cuộc sống không vui vẻ, không hạnh phúc. Chị dọn ra ngoài ở riêng, sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với anh H từ giữa tháng 11/2022 đến nay. Nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Nguyễn Xuân H trình bày:

Anh và chị Phạm Thị C kết hôn với nhau vào năm 2011, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Cưới xong anh và chị C chung sống với nhau tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam. Vợ chồng chung sống rất hòa thuận, vui vẻ, không có mâu thuẫn gì. Do vợ chồng sống với nhau không có con nên anh đã nhiều lần động viên vợ cố gắng, chạy chữa nhiều nơi, tốn kém tiền bạc với mong muốn vợ chồng có con. Hiện nay chị C có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đầu tháng 12/2022 đến nay. Việc chị C yêu cầu ly hôn, anh nhận thấy chị C đã hết tình cảm vậy nên anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 27/4/2023 Tòa án đã mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ nhất nhưng đã hoãn phiên tòa vì anh Nguyễn Xuân H vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh H vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do. Chị Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký tòa án đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn là chị Phạm Thị C đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Nguyễn Xuân H vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa không lý do là chưa thực hiện đúng các nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 9, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

Về án phí: Chị Phạm Thị C là nguyên đơn pH chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí ngày 06/12/2022 tại C cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị C là người có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc "Ly hôn" với anh Nguyễn Xuân H. Bị đơn anh Nguyễn Xuân H là người có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Xuân H theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay H không có mặt tham gia tố tụng là do anh tự từ bỏ quyền lợi của mình.

Chị Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H kết hôn với nhau vào năm 2011 trên tinh thần tự nguyện, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang *(Trích lục kết hôn số 380/TLKH-BS do UBND xã K cấp ngày 30/11/2022)*. Do vậy xác định quan hệ giữa chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về mâu thuẫn vợ chồng:

Căn cứ tài liệu xác minh, thu thập trong hồ sơ cho thấy: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H trong đời sống hôn nhân có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chung sống nhiều năm nhưng không có con nên cuộc sống luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Từ tháng 12/2022 đến nay, chị C dọn ra ngoài ở, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ đó, cả chị C và anh H đều thừa nhận việc này.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định về việc vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, cụ thể:

"Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau Ca sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

Như vậy, trong thời gian dài vợ chồng chị C – anh H không ở cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía chị C kiên quyết xin ly hôn, trong khi anh H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc có mặt hai bên cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị C, xử cho chị C được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về con chung: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H đều xác định không có con chung, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Phạm Thị C và anh Nguyễn Xuân H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị C là nguyên đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị C pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014251 ngày 06 tháng 12 năm 2022 của C cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- UBND xã K, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- C cục THADS huyện Lục Nam;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn